

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – KHÁNH HÒA**

Bản án số: 26/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 15/4/2026
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Xuân Hà và ông Lê Đình Nguyên

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa tham gia phiên tòa:*
Nguyễn Thị Như Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 262/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2026/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị L, sinh năm: 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa

Bị đơn: Ông Trương Văn B, sinh năm: 1979 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố F, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/11/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Ngô Thị L trình bày:

Bà L và ông B chung sống với nhau vào năm 2002, có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, TP . - T, tỉnh Ninh Thuận (nay là phường Đ, tỉnh Khánh Hòa) theo giấy chứng nhận kết hôn số 88, quyển số 01 ngày 26/5/2003.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà cha mẹ đẻ của ông B thuộc phường M, TP . - T. Quá trình chung sống vợ chồng bình thường không xảy ra mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, ông B không phụ giúp kinh tế hay chăm lo gì cho gia đình mà ông B tự làm tự ăn, đến khoảng năm 2014 do ông B gây nợ nần nên bà và ông B cùng với 02 con

chuyển về nhà cha mẹ ruột của bà để sinh sống. Đến tháng 11/2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông B dùng lời lẽ nặng nề với bà khi bà đang phát bệnh tim. Sau đó, vợ chồng lời qua tiếng lại rồi ông B thu dọn đồ đạc bỏ nhà đi. Từ năm 2022 đến nay vợ chồng không nói chuyện, không liên lạc với nhau và mạnh ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc nhau cũng không ai đặt vấn đề quay trở về chung sống. Nay, bà không còn tình cảm với ông B nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông B để ổn định cuộc sống. Hiện nay, bà trồng nha đam thu nhập hàng tháng 12.000.000đồng, đủ điều kiện để nuôi con.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trương Thị Kim H, sinh ngày 15/8/2003 và Trương Thị Anh Đ, sinh ngày 26/6/2009. Cháu H đã trưởng thành, lao động tự túc được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Đ và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Trương Văn B: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay Tòa án đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông B nhưng ông B vẫn vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Ngô Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông Trương Văn B. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú ở tổ dân phố F, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa theo khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố

tụng dân sự.

[1.2] Đối với việc vắng mặt của bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa sơ thẩm, Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là ông Trương Văn B nhưng ông B đều vắng mặt không có lý do. Điều này chứng tỏ, ông B đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cùng với tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết và xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Bà Ngô Thị L và ông Trương Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận (nay là phường Đ, tỉnh Khánh Hòa) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 88 ngày 26/5/2003, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

[2.2] Về quan hệ hôn nhân, xét thấy: Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*. Tuy nhiên, từ tháng 11/2022 đến nay thì vợ chồng bà L, ông B phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do ông B dùng lời lẽ nặng nề với bà L khi bà đang phát bệnh tim. Ông B bỏ nhà đi từ đó đến nay vợ chồng không nói chuyện, không liên lạc với nhau, mạnh ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc nhau cũng không ai đặt vấn đề quay trở về chung sống. Mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân của bà L và ông B phù hợp với đơn xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 13/01/2026 được Ban Q, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa xác nhận nội dung về tình trạng hôn nhân.

Ông B biết việc bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng không tham gia tố tụng thể hiện ông B không có thiện chí và không có nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xét thấy hôn nhân giữa bà L và ông B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[2.3] Về con chung: Bà L và ông B có 02 con chung tên Trương Thị Kim H, sinh ngày 15/8/2003 và Trương Thị Anh Đ, sinh ngày 26/6/2009. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Đ có nguyện vọng được ở với mẹ, bà L có thu nhập ổn định 12.000.000 tháng từ trồng cây Nha đam, có khả năng để nuôi con nên Hội đồng xét xử giao cháu Đ cho bà Ngô Thị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, ông Trương Văn B không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do bà L không có yêu cầu. Cháu H đã trưởng thành, lao động tự túc được nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4] Tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ và đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Ngô Thị L được ly hôn với ông Trương Văn B.

2. Về con chung: Giao cho bà Ngô Thị L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trương Thị Anh Đ, sinh ngày 26/6/2009. Ông Trương Văn B không có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con do bà L không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí: Bà Ngô Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003820 ngày 17 tháng 11 năm 2025 của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Bà Ngô Thị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 15/4/2026. Bị đơn vắng mặt tại phiên

tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND khu vực 5;
- Phòng THADS khu vực 5;
- UBND phường Đông Hải;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Hùng